

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thực hiện Tái canh cây cà phê giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1178/QĐ-BNN-TT ngày 31/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Đề án tái canh cà phê giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-UBND ngày 30/03/2026 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn Quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và các Chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 560/TTr-SNNMT ngày 19/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện tái canh cây cà phê giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Ngân hàng Nhà nước khu vực 11, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Chủ tịch UBND các xã, phường;
- TTCN&CTT điện tử tỉnh;
- Các phòng: ĐTKT, TH, NNMT;
- Lưu: VT, NNMT (Đg-3b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH
Thực hiện Tái canh cây cà phê giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên là 18.099,8 km² trên cơ sở hợp nhất từ tỉnh Đắk Lắk cũ và tỉnh Phú Yên, nằm ở vị trí chiến lược, là cầu nối giữa vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Lâm Đồng, phía Tây giáp tỉnh Lâm Đồng và Campuchia, phía Đông giáp biển Đông. Hệ thống sông suối khá dày đặc và phân bố đều. Các sông chính, bao gồm: Sông Ba, sông Bàn Thạch, sông Kỳ Lộ, sông Cầu và hệ thống sông Srêpôk.

Sau khi sáp nhập với tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên, diện tích cà phê năm 2025 toàn tỉnh đạt 217.654 ha, diện tích cho sản phẩm 202.848ha, sản lượng đạt 580.830 tấn, năng suất đạt khoảng 28,76 tạ/ha. Cây cà phê không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế - xã hội mà còn có ý nghĩa to lớn về văn hóa du lịch của tỉnh nhà. Quá trình phát triển ngành cà phê kết hợp với phát triển du lịch sinh thái, văn hóa bản địa, đã thu hút ngày càng tăng lượng du khách đến thăm quan du lịch tại Đắk Lắk

II. QUAN ĐIỂM

1. Tái canh cà phê góp phần cơ cấu lại ngành hàng cà phê nhằm phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của sản phẩm.
2. Tái canh cà phê chỉ thực hiện ở vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp theo nguyện vọng của các đối tượng trồng cà phê.
3. Tái canh cà phê phải đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành.
4. Tái canh cà phê phải phát huy mọi nguồn lực của các thành phần kinh tế, các tổ chức cá nhân và sự hỗ trợ của nhà nước.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tái canh cà phê nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và thu nhập cho người trồng cà phê; qua đó nâng cao khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng, góp phần phát triển bền vững ngành hàng cà phê.

Tái canh cây cà phê nhằm xây dựng ngành cà phê của tỉnh phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, hình thành các vùng cà phê chuyên canh để sản xuất cà phê đặc sản, cà phê hữu cơ và cà phê có chứng nhận phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cà phê ngày càng tăng ở các thị trường xuất khẩu và nội địa; đồng thời nâng cao giá trị gia tăng, nâng cao thu nhập cho nông dân và doanh nghiệp, nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm cà phê của tỉnh trên thị trường,

góp phần bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, thúc đẩy phát triển cà phê theo chuỗi cung ứng nông nghiệp xanh.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030:

Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân trồng và chăm sóc cà phê tiếp cận nguồn vốn tín dụng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện việc cải tạo chất lượng vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện mức sống của nông dân trồng cà phê trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện việc tái canh đối với diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp trên địa bàn tỉnh nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cà phê thương phẩm, nâng cao sức cạnh tranh các sản phẩm cà phê của tỉnh; hình thành các vùng sản xuất tập trung có giống đảm bảo nguồn gốc, xuất xứ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả cụ thể:

- Triển khai trồng tái canh khoảng 17.046 ha/217.654 ha cà phê trên địa bàn các xã phía Tây tỉnh Đắk Lắk, tỉ lệ diện tích cà phê tái canh sử dụng giống mới đạt trên 90%, trong đó

+ Năm 2026: Tổng diện tích tái canh 3.698/17.046 ha, đạt 21,7 % KH.

+ Năm 2027: Tổng diện tích tái canh 3.240/17.046 ha, đạt 19,0 % KH.

+ Năm 2028: Tổng diện tích tái canh 3.292/17.046 ha, đạt 19,3 % KH.

+ Năm 2029: Tổng diện tích tái canh 3.326/17.046 ha, đạt 19,5 % KH.

+ Năm 2030: Tổng diện tích tái canh 3.490/17.046 ha, đạt 20,5% KH.

- Năng suất vườn cà phê sau khi trồng tái canh ở thời kỳ kinh doanh ổn định đạt bình quân 3 tấn nhân/ha.

- Thu nhập/ha cà phê sau khi trồng tái canh tăng khoảng 1,5 - 2 lần so với trước khi tái canh.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TÁI CANH CÀ PHÊ TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

1. Về Diện tích

Giai đoạn 2026-2030 tổng diện tích trồng tái canh cà phê 17.046 ha, trên địa bàn 54 xã/phường trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Diện tích này nằm trong quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp của các địa phương.

2. Tiến độ thực hiện theo từng năm như sau

- Năm 2026: Tổng diện tích tái canh 3.698 ha.

- Năm 2027: Tổng diện tích tái canh 3.240 ha.

- Năm 2028: Tổng diện tích tái canh 3.292 ha.

- Năm 2029: Tổng diện tích tái canh 3.326 ha.

- Năm 2030: Tổng diện tích tái canh 3.490 ha.

(Chi tiết như phụ lục đính kèm)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp

- UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan tham mưu giúp việc cho UBND tỉnh và UBND các xã, phường xác định rõ trách nhiệm trong việc chỉ đạo ngành hàng cà phê là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của

tỉnh, trong đó có nhiệm vụ thực hiện tái canh cà phê trên những vườn cà phê già cỗi, năng suất thấp, sâu bệnh hại không có khả năng phục hồi, từ đó cụ thể hóa đến các địa phương, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các Sở, ngành và UBND các xã, phường trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân triển khai thực hiện.

- Phát huy vai trò mạnh mẽ của các tổ chức đoàn thể, hội hiệp hội cà phê trong việc thực hiện tái canh cây cà phê. Phối hợp tuyên truyền các chính sách, pháp luật hỗ trợ khi người dân thực hiện tái canh; đưa các nội dung này thành nội dung hoạt động hàng năm của các cấp, đoàn thể, hội.

2. Xây dựng kế hoạch trồng tái canh cà phê

- UBND các xã, phường hoàn chỉnh kế hoạch trồng tái canh cà phê trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền hỗ trợ theo chính sách vay vốn thực hiện tái canh của Chính phủ.

- Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu trồng tái canh và ghép cải tạo vườn cà phê đăng ký kế hoạch với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường và liên hệ với Ngân hàng để vay vốn tái canh cà phê.

3. Giải pháp về giống

- Hỗ trợ, nâng cao năng lực sản xuất giống cà phê chất lượng cao cho các cơ sở sản xuất giống trên địa bàn; xây dựng vườn sản xuất chồi giống cà phê năng suất cao, chất lượng tốt, chống chịu tốt với bệnh rỉ sắt; chứng nhận vườn sản xuất chồi giống cà phê vối; xây dựng mô hình vườn giống cà phê vối.

- Hỗ trợ các địa phương điều tra, khảo sát, bình tuyển cây đầu dòng, công nhận vườn đầu dòng cà phê; kiểm tra, giám sát cây đầu dòng, vườn đầu dòng đã được cấp giấy chứng nhận để làm cơ sở nhân giống phục vụ công tác tái canh.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh đầu tư nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống cà phê theo đúng quy định để hình thành ngành sản xuất giống hiện đại hóa, nhằm tăng nhanh năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, hiệu quả sản xuất và thu nhập của nông dân một cách bền vững.

- Hoàn thiện hệ thống sản xuất và cung ứng giống từ tỉnh đến cơ sở. Tập trung nhân, chuyển giao nhanh các giống cà phê vối năng suất, chất lượng cao như giống TRS1, TR4, TR9, Cà phê dây...nhằm đảm bảo nguồn giống chất lượng cao phục vụ chương trình tái canh, ghép cải tạo.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ, hiệu quả các nguồn giống cây cà phê trên địa bàn toàn tỉnh và xây dựng, hoàn chỉnh các quy trình, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giống.

4. Giải pháp về thực hiện quy trình tái canh cà phê

- Hàng năm hướng dẫn xây dựng và triển khai kế hoạch trồng tái canh cà phê phù hợp trên từng địa phương trong tỉnh. Chú trọng công tác tuyên truyền, vận động nông dân nâng cao ý thức trong quá trình thực hiện trồng tái canh, chuyển đổi sang các giống cà phê có năng suất, chất lượng cao và có khả năng đề kháng dịch hại.

- Thực hiện đúng Quyết định số 2085/QĐ-BNN-TT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc ban hành Quy trình tái canh cà phê vối, trong đó đặc biệt lưu ý các biện pháp như làm đất sớm và kỹ; luân canh cải tạo đất; bổ sung hữu cơ và sinh vật hữu ích để cải tạo đất, giúp cây sinh trưởng và phát triển tốt; đào hố sớm, kích thích đảm bảo,

phơi ải 2-3 tháng, lót và lấp hồ trước trồng ít nhất 1 tháng, sử dụng các chế phẩm sinh học ngay khi bón lót; trồng xen cây che bóng dài ngày và trồng cây ngắn ngày trong thời gian kiến thiết cơ bản; áp dụng kỹ thuật chặn sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, tưới nước,... theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định hiện hành; tiếp tục nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét các cơ chế hỗ trợ phù hợp theo quy định của pháp luật trong thực hiện tái canh cà phê. Hỗ trợ đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trồng tái canh cà phê (lồng ghép việc kiểm tra tình pháp lý của diện tích đất đăng ký tái canh, đảm bảo diện tích này nằm trong quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và không có tranh chấp); hỗ trợ cây giống, chồi giống trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê.

- Triển khai các mô hình tái canh bền vững, mô hình phòng trừ dịch hại tổng hợp, mô hình phòng trừ nấm, tuyến trùng để làm điểm tham quan, học tập và tuyên truyền khuyến cáo nông dân áp dụng vào thực tế sản xuất cây cà phê trên địa bàn.

5. Giải pháp về nguồn vốn

- Vốn ngân sách nhà nước: Lồng ghép sử dụng hiệu quả các nguồn vốn từ nguồn ngân sách nhà nước hằng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2026-2030 theo đúng quy định của pháp luật.

- Vốn đầu tư từ hộ gia đình: Khuyến khích người dân chủ động bố trí nguồn lực phù hợp với khả năng tài chính, nhu cầu sản xuất và điều kiện thực tế của hộ gia đình; việc tham gia tái canh thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, đúng quy trình kỹ thuật và phù hợp khả năng đầu tư

- Vốn tín dụng: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 11 chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn cân đối nguồn vốn để phục vụ cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; triển khai kịp thời các cơ chế, chính sách tín dụng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đủ điều kiện vay vốn tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Thúc đẩy các biện pháp hợp tác với Ngân hàng thế giới và các tổ chức quốc tế khác để hỗ trợ vay vốn ODA thực hiện trồng tái canh và ghép cải tạo cà phê với lãi suất thấp; tăng cường hợp tác công tư trong khâu trồng, chế biến, tiêu thụ cà phê.

6. Về chính sách:

Tổ chức thực hiện tốt các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chính sách chuyển giao khoa học công nghệ vào sản xuất, cụ thể: Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 156/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về

chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk quy định nội dung, mức chi thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống khác theo Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐND ngày 24/12/2025 của HĐND tỉnh Đắk Lắk ban hành chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk...

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này; Hàng năm trên cơ sở Báo cáo kết quả thực hiện tái canh cây cà phê của các địa phương, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo.

- Giao Chủ tịch UBND các xã, phường: Chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai hiệu quả, hàng năm trước ngày 15/11 gửi báo cáo kết quả thực hiện tái canh cây cà phê về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 11: Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng trên địa bàn triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận vốn tín dụng để thực hiện tái canh cà phê khi đáp ứng đầy đủ điều kiện vay vốn theo quy định của pháp luật; thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất theo quy định của Chính phủ (nếu có); phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.